

Số: 30/2026/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung, mức chi hoạt động
của đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Thực hiện Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn
phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh
ủy, thành ủy;*

*Xét Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi
hoạt động của đảng ủy các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo
thẩm tra số 1249/BC-KTNS ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức
chi hoạt động của đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi
hoạt động của đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đảng ủy xã, phường.

b) Ban thường vụ đảng ủy xã, phường.

c) Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của đảng ủy xã, phường.

**Điều 2. Chi xây dựng và thẩm định văn bản trình đảng ủy, ban thường
vụ đảng ủy xã, phường ban hành (trừ những văn bản do Tỉnh ủy, Ban
Thường vụ Tỉnh ủy giao nhiệm vụ)**

1. Chi xây dựng văn bản

1.1. Đối với văn bản mới (hoặc văn bản thay thế)

a) Văn bản do đảng ủy xã, phường quyết định ban hành

- Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi 25.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi 20.000.000 đồng/văn bản.

- Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 20.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản do ban thường vụ đảng ủy xã, phường quyết định ban hành

- Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi 20.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi 15.000.000 đồng/văn bản.

- Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 15.000.000 đồng/văn bản.

1.2. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: Áp dụng bằng 60% tổng mức chi xây dựng văn bản mới quy định tại điểm 1.1 khoản này.

1.3. Mức chi quy định tại điểm 1.1, điểm 1.2 khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Đối với xây dựng nghị quyết, quy chế, quy định bao gồm: Dự thảo đề án (trường hợp được giao xây dựng đề án), dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, báo cáo giải trình nếu có).

b) Đối với xây dựng quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện bao gồm: Dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đề án, báo cáo giải trình nếu có).

c) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản tại tiết a, tiết b điểm này: Chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

2. Chi thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án)

2.1. Mức chi

a) Văn bản trình đảng ủy xã, phường

- Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi 7.500.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi 6.000.000 đồng/văn bản.

- Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 6.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản trình ban thường vụ đảng ủy xã, phường

- Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi 6.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi 5.000.000 đồng/văn bản.

- Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi 5.000.000 đồng/văn bản.

c) Đối với văn bản chỉ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản, mức chi áp dụng bằng 30% tổng mức chi thẩm định văn bản.

2.2. Mức chi quy định tại điểm 2.1, khoản 2 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Sản phẩm của thẩm định văn bản nêu trên gồm: Báo cáo thẩm định, ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

2.3. Kinh phí thẩm định do cơ quan được giao nhiệm vụ (bằng văn bản của cấp có thẩm quyền) chủ trì thẩm định chi.

3. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn công tác theo các chương trình, đề án được cơ quan chủ trì chương trình, đề án chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác, thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn công tác theo các chương trình, đề án thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chi xây dựng một số văn bản khác trình đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy

1. Xây dựng chương trình làm việc toàn khoá, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của đảng ủy: Mức chi 15.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

2. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá của đảng ủy; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy: Mức chi 7.500.000 đồng/chương trình/báo cáo.

3. Xây dựng các báo cáo, bao gồm: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của đảng ủy; báo cáo tổng kết năm của đảng ủy; báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của đảng ủy; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của đảng ủy. Mức chi 4.500.000 đồng/báo cáo.

4. Xây dựng chương trình làm việc năm của đảng ủy: Mức chi 3.500.000 đồng/chương trình.

5. Chi xây dựng chỉ thị, kết luận, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy: Mức chi 2.500.000 đồng/văn bản.

Điều 4. Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của đảng ủy; ban thường vụ đảng ủy

1. Mức chi

1.1. Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy quản lý, mức chi 15.000.000 đồng/đoàn (tổ).

1.2. Đoàn giải quyết tố cáo, mức chi 10.000.000 đồng/đoàn (tổ).

1.3. Đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); Đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, mức chi 8.000.000 đồng/đoàn (tổ).

2. Nội dung chi bao gồm:

2.1. Xây dựng chương trình gồm: Quyết định thành lập đoàn (bao gồm cả kế hoạch và nội dung), đề cương kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

2.2. Xây dựng báo cáo kết quả, thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

2.3. Chi họp đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

3. Kinh phí chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng do cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì chi. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng (đoàn công tác liên ngành, liên cơ quan) được cơ quan chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác, thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

Điều 5. Chi trang phục

Các đồng chí ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ; cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của đảng ủy mỗi năm được hỗ trợ tiền may trang phục, mức chi 500.000 đồng/người/năm. Riêng các đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện theo chế độ của Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã (mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất).

Chế độ trang phục đối với người làm công tác cơ yếu thực hiện theo quy định hiện hành; không áp dụng quy định tại Điều này.



Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng và thẩm định văn bản; đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng quyết định mức chi cụ thể cho từng nội dung, nhiệm vụ; quy định cụ thể trong quy chế chi tiết nội bộ hoặc văn bản quy định của cơ quan theo nguyên tắc không vượt quá mức chi tại Quy định này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2026.

2. Các chế độ chi khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy.

3. Đối với nội dung chi của các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Phong